

**CÔNG TY TNHH DV&SX KIM LOẠI MÀU ĐẠI DƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DV&SX KIM LOẠI MÀU ĐẠI DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301213171

**3. Ngày thành lập:** 22/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Phù Xá, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0962079698

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí  | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                         | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                         | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                    | 4390     |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                    | 4511     |
| 6.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                            | 4512     |
| 7.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                      | 4513     |
| 8.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                         | 4520     |
| 9.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác     | 4530     |
| 10. | Bán mô tô, xe máy                                                      | 4541     |
| 11. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                    | 4542     |
| 12. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                  | 4543     |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                     | 4610     |
| 14. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620     |
| 15. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                         | 4631     |
| 16. | Bán buôn thực phẩm                                                     | 4632     |
| 17. | Bán buôn đồ uống                                                       | 4633     |
| 18. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                  | 4634     |
| 19. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                   | 4641     |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                     | 4649     |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                    | 4651     |

|     |                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                        | 4652        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                    | 4653        |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                           | 4659        |
| 25. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan              | 4661        |
| 26. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                       | 4662        |
| 27. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                   | 4663        |
| 28. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                         | 4669        |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu   | 8299        |
| 30. | Cho thuê xe có động cơ                                                    | 7710        |
| 31. | Bán buôn tổng hợp                                                         | 4690        |
| 32. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                      | 2013        |
| 33. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                              | 2220        |
| 34. | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu | 2399        |
| 35. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                  | 2410        |
| 36. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                     | 2420(Chính) |
| 37. | Đúc sắt, thép                                                             | 2431        |
| 38. | Đúc kim loại màu                                                          | 2432        |
| 39. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                            | 2511        |
| 40. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                | 2512        |
| 41. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                  | 2513        |
| 42. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                          | 2591        |
| 43. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                              | 2592        |
| 44. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng               | 2593        |
| 45. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu               | 2599        |
| 46. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                          | 4932        |
| 47. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                            | 4933        |
| 48. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                               | 5210        |
| 49. | Bốc xếp hàng hóa                                                          | 5224        |
| 50. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                   | 5225        |
| 51. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                       | 5229        |
| 52. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                 | 5510        |
| 53. | Cơ sở lưu trú khác                                                        | 5590        |
| 54. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                          | 5610        |
| 55. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng  | 5621        |
| 56. | Dịch vụ ăn uống khác                                                      | 5629        |
| 57. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                   | 5630        |

|     |                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 58. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                       | 7721 |
| 59. | Cho thuê băng, đĩa video                                                            | 7722 |
| 60. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                           | 7729 |
| 61. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển      | 7730 |
| 62. | Đại lý du lịch                                                                      | 7911 |
| 63. | Điều hành tua du lịch                                                               | 7912 |
| 64. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | 7990 |
| 65. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                             | 3320 |
| 66. | Thu gom rác thải không độc hại                                                      | 3811 |
| 67. | Thu gom rác thải độc hại                                                            | 3812 |
| 68. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                            | 3821 |
| 69. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                  | 3822 |
| 70. | Tái chế phế liệu                                                                    | 3830 |
| 71. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                   | 3900 |
| 72. | Xây dựng nhà để ở                                                                   | 4101 |
| 73. | Xây dựng nhà không để ở                                                             | 4102 |
| 74. | Xây dựng công trình đường sắt                                                       | 4211 |
| 75. | Xây dựng công trình đường bộ                                                        | 4212 |
| 76. | Xây dựng công trình điện                                                            | 4221 |
| 77. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                 | 4222 |
| 78. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                  | 4223 |
| 79. | Xây dựng công trình công ích khác                                                   | 4229 |
| 80. | Xây dựng công trình thủy                                                            | 4291 |
| 81. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                     | 4292 |
| 82. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                               | 4293 |
| 83. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                          | 4299 |
| 84. | Phá dỡ                                                                              | 4311 |
| 85. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                   | 4312 |
| 86. | Lắp đặt hệ thống điện                                                               | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI MINH HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001091006889

Ngày cấp: 17/06/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 24B đường Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 24B đường Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh